

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Châu Thành, Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Ngày 21 tháng 12 năm 2023.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Dân

Ngày 26 tháng 12 năm 2023.

CƠ QUAN LẬP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
UBND HUYỆN CHÂU THÀNH

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hào

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Dân số huyện Châu Thành ước đến cuối năm 2023.....	8
Bảng 2: Danh mục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	17
Bảng 3: Danh mục đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất	18
Bảng 4: Danh mục công trình, dự án quá 03 năm chuyển tiếp.....	21
Bảng 5: Danh mục công trình, dự án chưa quá 03 năm chuyển tiếp	24
Bảng 6: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	27
Bảng 7: Danh mục đăng ký mới của tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024	40
Bảng 8: Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành	43
Bảng 9: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nông nghiệp theo đơn vị hành chính.....	44
Bảng 10: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng lúa theo đơn vị hành chính	45
Bảng 11: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng cây hàng năm khác theo đơn vị hành chính	46
Bảng 12: Danh mục các công trình đất trồng cây hàng năm khác.....	46
Bảng 13: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính.....	47
Bảng 14: Danh mục các công trình đất trồng cây lâu năm	47
Bảng 15: Chỉ tiêu KHSDĐ đất rừng sản xuất theo đơn vị hành chính	48
Bảng 16: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nuôi trồng thủy sản theo đơn vị hành chính.....	48
Bảng 17: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nông nghiệp khác theo đơn vị hành chính	49
Bảng 18: Danh mục các công trình đất nông nghiệp khác	49
Bảng 19: Chỉ tiêu KHSDĐ đất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính.....	50
Bảng 20: Chỉ tiêu KHSDĐ đất quốc phòng theo đơn vị hành chính.....	50
Bảng 21: Chỉ tiêu KHSDĐ đất an ninh theo đơn vị hành chính.....	51
Bảng 22: Danh mục các công trình đất an ninh.....	51
Bảng 23: Chỉ tiêu KHSDĐ đất khu công nghiệp theo đơn vị hành chính.....	52
Bảng 24: Danh mục các công trình đất khu công nghiệp	53
Bảng 25: Chỉ tiêu KHSDĐ đất cụm công nghiệp theo đơn vị hành chính	53
Bảng 26: Danh mục các công trình đất cụm công nghiệp	54
Bảng 27: Chỉ tiêu KHSDĐ đất thương mại, dịch vụ theo đơn vị hành chính	55
Bảng 28: Danh mục các công trình đất thương mại, dịch vụ	55
Bảng 29: Chỉ tiêu KHSDĐ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính	56
Bảng 30: Danh mục các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.....	56
Bảng 31: Chỉ tiêu KHSDĐ đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm theo đơn vị hành chính.....	56
Bảng 32: Chỉ tiêu KHSDĐ đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện theo đơn vị hành chính.....	57
Bảng 33: Chỉ tiêu KHSDĐ đất giao thông theo đơn vị hành chính.....	58
Bảng 34: Danh mục các công trình đất giao thông.....	58
Bảng 35: Chỉ tiêu KHSDĐ đất thủy lợi theo đơn vị hành chính	59
Bảng 36: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng cơ sở văn hóa theo đơn vị hành chính	59

Bảng 37: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng cơ sở y tế theo đơn vị hành chính	60
Bảng 38: Danh mục các công trình y tế.....	61
Bảng 39: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo đơn vị hành chính.....	61
Bảng 40: Danh mục các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo	62
Bảng 41: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo đơn vị hành chính	62
Bảng 42: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình năng lượng theo đơn vị hành chính	63
Bảng 43: Danh mục các công trình năng lượng.....	63
Bảng 44: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình bưu chính viễn thông theo đơn vị hành chính	64
Bảng 45: Chỉ tiêu KHSDĐ đất bãi thải, xử lý chất thải theo đơn vị hành chính.....	64
Bảng 46: Danh mục các công trình đất bãi thải, xử lý chất thải	65
Bảng 47: Chỉ tiêu KHSDĐ đất cơ sở tôn giáo theo đơn vị hành chính	65
Bảng 48: Danh mục các công trình cơ sở tôn giáo	66
Bảng 49: Chỉ tiêu KHSDĐ đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo đơn vị hành chính.....	66
Bảng 50: Chỉ tiêu KHSDĐ đất chợ theo đơn vị hành chính.....	67
Bảng 51: Danh mục các công trình đất chợ	67
Bảng 52: Chỉ tiêu KHSDĐ đất sinh hoạt cộng đồng theo đơn vị hành chính	68
Bảng 53: Danh mục các công trình đất sinh hoạt cộng đồng	68
Bảng 54: Chỉ tiêu KHSDĐ đất ở tại nông thôn theo đơn vị hành chính	69
Bảng 55: Danh mục các công trình đất ở tại nông thôn.....	70
Bảng 56: Chỉ tiêu KHSDĐ đất ở tại đô thị theo đơn vị hành chính	71
Bảng 57: Danh mục các công trình đất ở tại đô thị	71
Bảng 58: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng trụ sở cơ quan theo đơn vị hành chính.....	72
Bảng 59: Chỉ tiêu KHSDĐ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo đơn vị hành chính.....	73
Bảng 60: Danh mục các công trình trụ sở của tổ chức sự nghiệp.....	73
Bảng 61: Chỉ tiêu KHSDĐ đất tín ngưỡng theo đơn vị hành chính	73
Bảng 62: Chỉ tiêu KHSDĐ đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo đơn vị hành chính...	74
Bảng 63: Tổng hợp khu chức năng huyện Châu Thành	76
Bảng 64: Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng.....	78
Bảng 65: Diện tích các loại đất cần thu hồi	80
Bảng 66: Cân đối thu – chi liên quan đến đất đai	84

ĐẤT VÀN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng để phát triển của địa phương. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Được quy định cụ thể tại Chương 4 của Luật Đất đai 2013 với 17 Điều (từ Điều 35 đến Điều 51). Do vậy, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững.

Luật Đất đai năm 2013 khẳng định việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn được cụ thể hóa trong Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/6/2020 của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Vì vậy, Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành là một nội dung của kỳ quy hoạch sử dụng đất năm 2021-2030.

Mục đích của xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm là nhằm cụ thể hóa và chi tiết hóa quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, làm căn cứ để Nhà nước thực hiện thẩm quyền về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đồng thời để quản lý và sử dụng quỹ đất một cách khoa học và chặt chẽ. Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu đất đai cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu phát triển của các ngành, các lĩnh vực trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, hợp lý.

Do vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành là nhiệm vụ phải thực hiện, nhằm cụ thể hóa công tác quản lý và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024. Kế hoạch sử dụng đất sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý của công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Nhằm khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh trên địa bàn huyện.

1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Cụ thể hóa và chi tiết hóa quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, làm căn cứ để Nhà nước thực hiện thẩm quyền về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với nhu cầu thực tế hàng năm của các cấp xã, thị trấn.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch đã được phê duyệt phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo trong quá trình sử dụng.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2. Căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật số 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị Quyết 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội về việc Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030.

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/6/2020 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thông tư 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành về định mức kinh tế - kỹ thuật và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Công văn số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Tổng cục quản lý đất đai Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được duyệt.

- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Những cơ sở lập kế hoạch và tài liệu liên quan

- Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Quyết định số 3013/QĐ-BYT ngày 22/6/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, sử dụng nguồn vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

- Nghị quyết số 88/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc Quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc quy định về sử dụng đất, chế độ thù lao và kinh phí hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để thực hiện các dự án đầu tư.

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để thực hiện các dự án đầu tư.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy danh mục dự án cần thu hồi đất, mức bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới tại khoản 1 Điều 1 và số thứ tự 2 Mục III Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/5/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Dự thảo Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Sóc Trăng.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Châu Thành nhiệm kỳ 2020-2025.

- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023 huyện Châu Thành.

- Căn cứ các đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Châu Thành đã được phê duyệt.

- Số liệu kiểm kê, thống kê đất đai năm 2022, ước thực hiện năm 2023; Các tài liệu, số liệu liên quan...

- Nhu cầu sử dụng đất và Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị các xã, thị trấn, các khu dân cư và các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn huyện năm 2024.

3. Tổ chức thực hiện

- **Cơ quan quyết định đầu tư:** UBND huyện Châu Thành.

- **Cơ quan chủ đầu tư:** Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành.

- **Cơ quan thực hiện tư vấn:** Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND 07 xã và thị trấn; Các Phòng ban, Ngành huyện Châu Thành; Công An, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký QSDĐ huyện Châu Thành; Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú; Trung tâm Y tế huyện Châu Thành.

4. Sản phẩm dự án

Theo quy định tại Điều 50 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, gồm:

1. Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp “Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành”, trong đó có các bảng biểu và phụ lục.

3. Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành (tỉ lệ 1/25.000).

4. Bản đồ chuyên đề.

5. Đĩa CD ghi các sản phẩm trên (không bao gồm tài liệu mục 1).

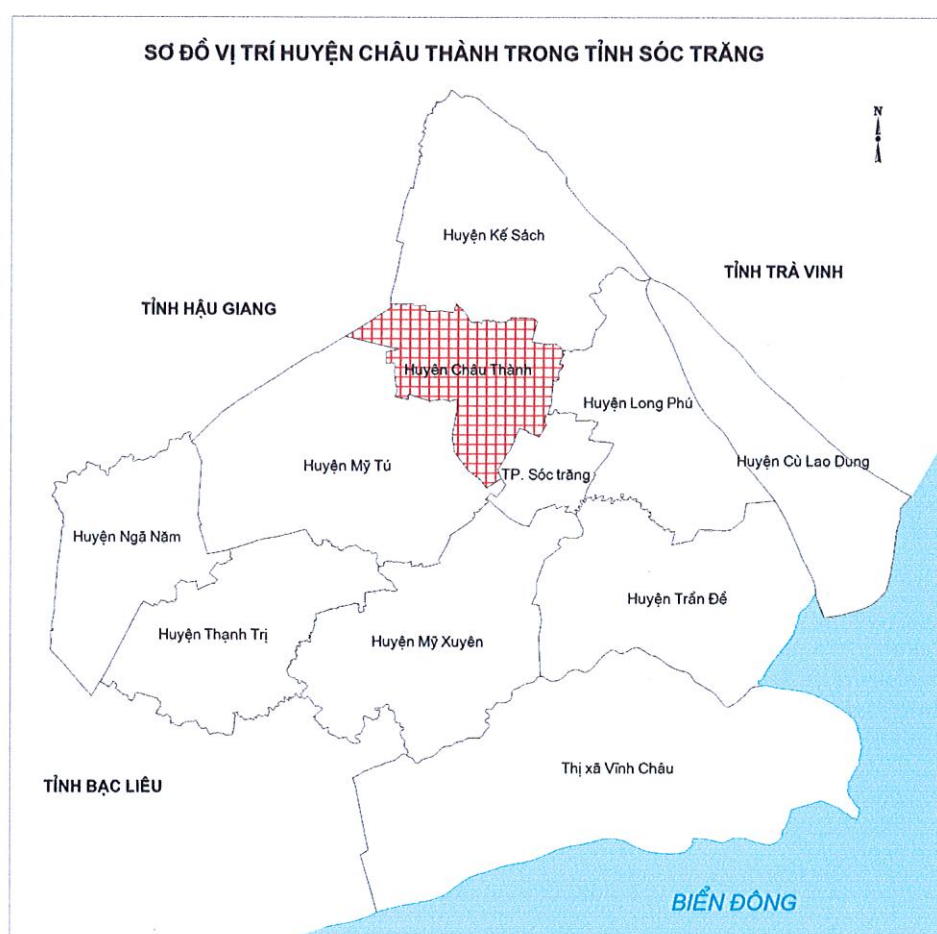
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Châu Thành nằm ở phía Tây tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 07 xã và 01 thị trấn. Ranh giới của huyện được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Kế Sách;
- + Phía Đông giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú;
- + Phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú;
- + Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang.



Hình 1: Vị trí huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng

Huyện Châu Thành có tổng diện tích tự nhiên 23.614,61 ha (theo Thống kê đất đai năm 2022), cách thành phố Sóc Trăng 13 km về phía Đông Nam và cách thành phố Cần Thơ khoảng 55 km về phía Tây Bắc, có Quốc lộ 1, Quốc lộ 60 và các Đường tỉnh chạy qua địa bàn huyện là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài huyện. Thị trấn Châu Thành có diện tích 787,87 ha là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của huyện.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Theo Bản đồ địa chất và khoáng sản Việt Nam của Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam, địa hình, địa mạo của huyện Châu Thành có đặc điểm như sau:

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ +0,3 m đến +1,2 m. Địa chất của huyện được hình thành bởi các tầng địa chất chủ yếu là trầm tích mới. Độ sâu từ 0 - 20 m phổ biến là đất sét pha thịt có độ dẻo cao và mềm chịu lực kém. Độ sâu từ 20 – 21 m là đất sét có độ dẻo trung bình và thấp, chịu lực tốt.

Huyện có hướng dốc chính nghiêng từ Đông Nam sang Tây Bắc, với 1/3 diện tích đất nằm ở vùng tương đối cao, tập trung ở các xã Phú Tân, Phú Tâm, An Hiệp và An Ninh. Phần diện tích còn lại nằm ở vùng trung bình đến thấp tập trung ở các xã Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ và một phần ở các xã Phú Tâm, Phú Tân, Thuận Hoà, An Hiệp, An Ninh và thị trấn Châu Thành.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Châu Thành là một phần lãnh thổ của tỉnh Sóc Trăng, do vậy, các đặc điểm về khí hậu, thời tiết của huyện, cơ bản giống như số liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2022 ước đến 31/12/2023, huyện Châu Thành nằm trong vùng nhiệt đới cận xích đạo, khí hậu có những đặc trưng chính như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm 26,8°C; nhiệt độ bình quân cao nhất 31,1°C; nhiệt độ bình quân thấp nhất 23,8°C.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm 1.840 mm, phân bố theo mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài 7 tháng (tháng 5 đến tháng 11).

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 83,4%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88%, các tháng có độ ẩm thấp trung bình 77,3%.

- Năng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2372 giờ, các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 9 trung bình đạt 260 giờ/tháng (cao nhất vào tháng 5), các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau trung bình 120-130 giờ/tháng (thấp nhất vào tháng 12).

- Gió: Hướng gió thịnh hành là gió Đông từ tháng 11 đến tháng 4; gió Đông Nam tháng 5; gió Tây tháng 6 đến tháng 9; gió Tây Nam tháng 10. Tốc độ gió trung bình năm là 3,9 m/s, trung bình tháng lớn nhất là 4,9 m/s, trung bình tháng nhỏ nhất là 3,1 m/s.

1.1.4. Thủy văn

Theo báo cáo hàng năm của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Sóc Trăng, chế độ thủy văn trên địa bàn huyện có chế độ bán nhật triều biển Đông ảnh hưởng trực tiếp đến huyện và chảy vào huyện theo hai hướng chính: Hướng từ sông Hậu chảy qua các kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Phụng Hiệp – Sóc Trăng, kênh 30/4 và các kênh thủy lợi; Hướng từ sông Mỹ Thanh đổ vào qua sông Nhu

Gia theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng bị ngăn chặn, chủ động bởi các công ngăn mặn, điều tiết nước. Nên được chia làm 2 vùng như sau:

- Vùng 1: Từ Quốc lộ 1 về hướng Đông Bắc đến Kế Sách và Long Phú, chịu ảnh hưởng trực tiếp của triều biển Đông thông qua sông Hậu và thông qua 2 trục kênh chính của vùng là kênh 30/4 và kênh An Mỹ - 30/4; với biên độ triều trung bình từ 0,5 – 1 m, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Vùng 2: Từ Quốc lộ 1 đến phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú, kênh Tân Lập và sông Nhu Gia, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua kênh Quản lộ Phụng Hiệp, và chịu ảnh hưởng của triều sông Nhu Gia thông qua các cống điều tiết nước ở dọc theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, sông Nhu Gia; có biên độ triều từ 0,5 – 0,7 m, hay bị gặp úng ở phía bắc gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

1.2. Dân số và lao động

1.2.1. Dân số và phân bố dân cư

Theo số liệu Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú ước đến 31/12/2023. Châu Thành được xem là một trong những huyện có mật độ dân số cao, tuy nhiên sức ép về mặt dân số đến sử dụng đất chưa cao. Ước đến cuối năm 2023, dân số trung bình toàn huyện khoảng 93.425 người, mật độ dân số trung bình đạt 404 người/km² (bình quân chung toàn tỉnh Sóc Trăng là 366 người/km²). Về thành phần dân tộc, dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc Kinh (chiếm 50,92%), Khmer (chiếm 45,45%), Hoa (chiếm 3,75%) và dân tộc khác.

Trong tổng dân số, nam giới 47.841 người, chiếm 51,21% và nữ giới là 45.584 người, chiếm 48,79%; nhân khẩu nông thôn 84.338 người, chiếm 90,27%.

Dân cư của Huyện phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã, thị trấn như xã: Hồ Đắc Kien, Thiện Mỹ, Phú Tâm có mật độ dân số thấp hơn so với một số xã, thị trấn khác. Dân cư đa số tập trung với mật độ cao tại các khu vực trung tâm xã, thị trấn nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, với hệ thống hạ tầng cơ sở khá đồng bộ.

Bảng 1: Dân số huyện Châu Thành ước đến cuối năm 2023

STT	Tên Xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ DS (người/km ²)	STT	Tên Xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ DS (người/km ²)
1	TT. Châu Thành	787,87	9.087	1.153	5	X. An Hiệp	3.247,14	16.530	509
2	X. Hồ Đắc Kien	4.751,30	12.102	255	6	X. An Ninh	3.633,54	13.072	360
3	X. Thuận Hòa	1.838,73	7.253	394	7	X. Phú Tân	2.746,63	13.875	505
4	X. Thiện Mỹ	2.509,86	7.844	313	8	X. Phú Tâm	4.099,54	13.662	333
					Toàn huyện		23.614,61	95.425	404

Nguồn: Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú, 2023

1.2.2. Lao động, việc làm

Tổng nguồn lao động toàn huyện ước tính cho năm 2023 là 50.347 người, chiếm 53,89% dân số, trong đó, lao động nông - lâm nghiệp chiếm 25,27%, lao động công nghiệp - TTCN và XDCB chiếm 10,65% và lao động thương mại - dịch vụ chiếm 17,42%. Như vậy, nguồn nhân lực tập trung chủ yếu khu vực nông- lâm nghiệp, việc chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra chậm.

Chất lượng lao động trên địa bàn huyện ngày càng nâng cao, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm mới được tập trung đẩy mạnh. Trong 9 tháng đầu năm 2023 đã giải quyết việc làm mới cho 2.173/2.400 lao động đạt 90,54% kế hoạch, tăng 12,78% so với cùng kỳ. Lao động tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 07/25 lao động đạt 28% kế hoạch; Đào tạo nghề tại cơ sở tư nhân và tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 736/350 lao động tham gia học nghề, đạt 210,29% kế hoạch (tăng 117,4% so với cùng kỳ 2022). Trong giai đoạn tới, cần đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề và hướng nghiệp góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới.

1.3. Các nguồn tài nguyên

1.3.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra thoái hóa đất lần đầu tỉnh Sóc Trăng năm 2018 cho thấy, trên địa bàn của huyện Châu Thành được chia làm 4 nhóm đất chính sau:

- Nhóm đất phèn chiếm 15,32% tổng diện tích tự nhiên (trong đó: Nhóm đất phèn tiềm tàng chiếm 10,12% tổng diện tích tự nhiên; Nhóm đất phèn hoạt động chiếm 5,85% tổng diện tích tự nhiên). Tập trung nhiều ở vùng thấp xa xưa bị nước mặn xâm nhập như các xã: Hồ Đắc Kien và một phần ở xã Thiện Mỹ. Việc sử dụng nhóm đất này phụ thuộc nhiều vào khả năng tưới tiêu.

- Nhóm đất phù sa: Được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hậu, có hàm lượng phù sa dồi dào (chiếm 48,86% diện tích tự nhiên của huyện). Đây là nhóm đất phù sa ngọt không có phèn và ít bị nhiễm mặn, được bồi đắp hàng năm. Tập trung ở các xã có địa hình từ trung bình đến cao như: một phần ở xã Hồ Đắc Kien, Thiện Mỹ, Thuận Hoà, An Ninh, An Hiệp...

- Nhóm đất giồng cát: Là sự hình thành các giồng cát, được cấu tạo bởi cát mịn thường có dạng vòng cung kéo dài (chiếm 0,68% diện tích tự nhiên). Phân bố dọc theo Đường tỉnh 932 của các xã Phú Tâm, Phú Tân và An Hiệp và dọc theo Đường tỉnh 938 của xã An Ninh; thích hợp cho các cây rau, màu.

- Nhóm đất nhân tác: Được hình thành trong quá trình lên liếp, phân bố rải rác toàn huyện (chiếm 14,91% tổng diện tích tự nhiên).

1.3.2. Tài nguyên nước

Theo Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, tài nguyên nước huyện Châu Thành có tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước ngầm, cụ thể như sau:

- Khối lượng thu gom rác thải trên địa bàn huyện chủ yếu thực hiện ở các khu dân cư, chợ, các trục đường chính; rác thải của các hộ dân nhỏ lẻ thường tự xử lý.

- Tình trạng nhà vệ sinh, sử dụng nước sạch tại một số khu vực nông thôn còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp đã và đang phát triển rõ rệt, nhưng môi trường tài nguyên đất cũng đã và đang suy thoái do nông dân ngày càng lạm dụng phân bón và thuốc hóa học để đẩy mạnh năng suất, ít chú ý đến vấn đề cải tạo và bồi bổ cho đất, một số nơi canh tác liên tục không để cho thời gian đất nghỉ, làm cho đất ngày càng cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, độ màu mỡ và lưu tồn mầm bệnh. Việc lạm dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tạo hiện tượng trực di ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên nước ngầm.

Trong tương lai, khi kinh tế phát triển sẽ hình thành các khu đô thị mới, khu sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các trang trại chăn nuôi tập trung... với một lượng không nhỏ các chất thải công nghiệp, chăn nuôi, sinh hoạt... không thể tránh khỏi sẽ có tác động nhất định đến môi trường của huyện. Vì vậy cần phải dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái trên địa bàn huyện.

1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.5.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm với các yếu tố rủi ro, dịch bệnh, thách thức gia tăng. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến nền kinh tế. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp mang lại hiệu quả, qua đó tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tiếp tục có chuyển biến khả quan, kết quả đạt khá so với chỉ tiêu đề ra.

1.5.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

Theo báo cáo Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó, tập trung triển khai kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của huyện, kết quả như sau:

a) Sản xuất nông nghiệp

- Cây lúa: Trong 9 tháng đầu năm toàn huyện xuống giống 40.615,5 ha, tăng 101,54% KH. Vụ Đông Xuân (kể cả Đông Xuân sớm và Đông Xuân muộn) đã xuống giống và thu hoạch 24.280,5 ha, sản lượng lúa đạt 160.615,5 tấn, năng suất bình quân 66,15 tạ/ha; Giá lúa dao động từ 5.900-7.700 đồng/kg, trong đó giá lúa thường dao động từ 5.900-6.550 đồng/kg, tăng từ 450-800 đồng/kg và

giá lúa thơm nhẹ 6.300-7.200 đồng/kg, tăng 500 -700 đồng/kg so với cùng kỳ. Vụ Hè Thu xuống giống 16.335/16.235 ha (ước thực hiện đến 15/6/2023), đạt 100,62% KH; giống lúa chủ lực là OM 5451, OM 18, RVT.

Triển khai thực hiện mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ và mô hình sản xuất theo hướng kỹ thuật "3 Giảm 3 Tăng", "1 Phải 5 Giảm", với diện tích là 1.100ha. Tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật về xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ ở các xã, thị trấn đến nay hoàn tất 16 lớp với sự tham gia của hơn 480 nông dân.

- Diện tích gieo trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày trong 9 tháng đầu năm xuống giống 1.495 ha/3.000 ha, đạt 49,83% KH, giảm 5,1% so với cùng kỳ.

- Tổng đàn gia súc 49.396/66.170 con, đạt 74,65% KH, giảm 8% so với cùng kỳ. Trong đó: Đàn heo 45.500 con, giảm 8,24% so với cùng kỳ (trong đó trang trại 30.000 con), đàn bò 3.896 con, giảm 5,16% so với cùng kỳ; Tổng đàn gia cầm 1.781.588/1.650.000 con, đạt 107,98% KH, tăng 3,06% so với cùng kỳ. Trong đó: Đàn gà 1.591.915 con (trang trại chiếm tỷ lệ 96,07%); Đàn vịt: 185.248 con; Ngan ngỗng: 4.425 con.

- Về thủy sản, trong 9 tháng đầu năm 2023 thả nuôi 395/1.000 ha, đạt 39,5% KH, giảm 4,66% so với cùng kỳ. Sản lượng ước đạt 1.560 tấn, đạt 52% KH. Hình thức nuôi chủ yếu là cá ao với các loại cá như cá trê, cá lóc, cá rô phi,...

- Về Giao thông thủy lợi mùa khô: toàn huyện thực hiện được 39/39 công trình, trong đó: 32 công trình giao thông nông thôn (phát quang, trồng cây xanh), 07 công trình thủy lợi nội đồng (dọn dẹp thực vật thủy sinh, khai thông dòng chảy), đạt 60.163/31.400m³, đạt 191,6% KH.

- Xây dựng nông thôn mới: Đến nay, toàn huyện có 7/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới; các đơn vị, các xã, thị trấn đang thực hiện rà soát các tiêu chí thực hiện huyện nông thôn mới chuẩn bị cho công nhận vào năm 2024.

- Thực hiện chương trình OCOP: Đến nay tổng số sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp tỉnh trên địa bàn huyện là 19 sản phẩm (13 sản phẩm 4 sao và 6 sản phẩm 3 sao). Đã trình Hội đồng đánh giá tỉnh xem xét, đánh giá và công nhận 05 sản phẩm vào tháng 12/2022. Chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình OCOP năm 2023. Tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích, vận động và hướng dẫn các chủ thể lập hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình OCOP với các sản phẩm dự kiến đăng ký tham gia là trái hồng nhung của hộ kinh doanh Thanh Xuân, 3 loại bánh pía của Công ty TNHH bánh pía - lập xưởng Hải Sơn, 3 loại sữa tham gia đánh giá lại của Công ty Cổ phần sữa Evergrowth,...

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Tài nguyên và Môi trường

- Giá trị sản xuất Công nghiệp ước thực hiện 9 tháng đầu năm là 8.179 tỷ đồng; trong đó: Công nghiệp địa phương 1.045 tỷ đồng, Khu Công nghiệp 7.134

tỷ đồng, so với thực hiện cùng kỳ giá trị sản xuất Công nghiệp trên địa bàn huyện, giảm 3,7% (tương đương giá trị là 312 tỷ đồng). Giảm chủ yếu là giá trị sản xuất trong khu công nghiệp, nguyên nhân là do biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào gây ảnh hưởng nhiều đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trong 9 tháng đầu năm là 73 hồ sơ, với diện tích 188.825,3 m². Chuyển mục đích sử dụng đất của 106 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 6.085,6 m², đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất 01 trường hợp với diện tích xây dựng là 100 m². Công tác phòng ngừa, kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường được tiếp tục quan tâm thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trang trại chăn nuôi và khảo sát đánh giá hiện trạng ô nhiễm một số tuyến kênh, rạch trên địa bàn huyện.

c. Thương mại, dịch vụ, Tài chính, đầu tư công

- Thu ngân sách nhà nước: Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp chủ động triển khai chặt chẽ, điều hành dự toán thu - chi trong phạm vi dự toán được giao, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Thu ngân sách trên địa bàn huyện được 35.428 triệu đồng, đạt 60,56% dự toán, tăng 9% so với cùng kỳ. Chi ngân sách là 248.326 triệu đồng, đạt 61% KH, giảm 26% so với cùng kỳ.

- Tổng mức bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện trong 09 tháng là 4.189 tỷ đồng, tăng 1,06% (tương đương 44 tỷ đồng) so cùng kỳ.

- Về xây dựng cơ bản: Ủy ban nhân dân huyện đã tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 ngay từ những tháng đầu năm; trong đó, yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng lộ trình, phân công theo dõi cụ thể và cam kết tiến độ giải ngân từng dự án. Đồng thời, huyện đã thành lập Tổ công tác theo dõi, kiểm tra và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện do đồng chí Chủ tịch UBND làm tổ trưởng. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn là 64.197/215.910 triệu đồng đạt 29,73%KH (nếu không tính nguồn vốn mới bổ sung thì giải ngân được 32,2%KH).

d. Sử dụng điện và cấp phép xây dựng

- Số hộ kéo điện mới trong 9 tháng là 365 hộ, nâng số hộ có điện toàn huyện là 30.185 hộ (Số hộ cắt định mức và thanh lý trong tháng 09 tháng năm 2023 là 47 hộ), đạt 122,9% số hộ dân toàn huyện. Trong đó, số hộ Khmer kéo mới là 101 hộ. Nâng số hộ Khmer có điện toàn huyện đến nay là 13.493 hộ (Số hộ cắt định mức và thanh lý lũy kế 9 tháng năm 2023 là 18 hộ), đạt 113,5% số hộ Khmer toàn huyện.

- Cấp phép xây dựng: Trong 9 tháng tiếp nhận 22 hồ sơ, đã cấp được 17 giấy phép xây dựng, còn 05 hồ sơ đang thẩm định.

e. Văn hóa - Thông tin và truyền thanh

- Trong 9 tháng, UBND huyện chỉ đạo ngành chuyên môn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của đất nước như: Mừng Đảng – Mừng Xuân Quý Mão năm 2023; kế hoạch tổng kết ngành Văn hóa, Thể thao, Truyền thanh; kế hoạch tổ chức đêm văn nghệ (29 tết); kế hoạch tổ chức các hoạt động về lĩnh vực gia đình; kế hoạch tổ chức Ngày chạy olympic vì sức khỏe toàn dân trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2023; kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2023.

- Lĩnh vực truyền thanh 9 tháng đầu năm thực hiện 333 buổi phát thanh (đưa 428 tin, 410 bài; 20 phóng sự, 42 phỏng vấn; giữ vững các Chuyên mục phát định kỳ (mở mới Chuyên mục Chuyển đổi số); Chương trình thời sự Khmer ngữ. Đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19, cúm gia cầm, sốt xuất huyết, bệnh tay - chân - miệng, tuyên truyền tiêm vắc xin phòng bệnh dại trên chó, mèo, thông tin tình hình xâm nhập mặn.

- UBND huyện chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, theo đó các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện đến cấp xã triển khai hiệu quả phần mềm một cửa điện tử, phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Toàn huyện có trên 63 chữ ký số được sử dụng và trên 30 đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn sử dụng hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành để trao đổi văn bản hoàn toàn dưới dạng điện tử chiếm 99,35%; có trên 96% cán bộ, công chức, viên chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ. Sản phẩm, hàng hóa của các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác được khuyến khích tham gia sàn thương mại điện tử. Tổ công nghệ số cộng đồng ngày càng được phát huy hiệu quả, toàn huyện có 56/56 ấp đều thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng, mỗi tổ có từ 5 - 7 thành viên tham gia.

f. Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện tốt việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; đổi mới cách đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Mạng lưới trường lớp các cấp học tiếp tục được củng cố, sắp xếp theo hướng tập trung, tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm; Hoạt động dạy và học tiếp tục đi vào nền nếp, tinh thần trách nhiệm, ý thức thực thi công vụ của cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng được nâng lên. Năm học 2022-2023 tổng số học sinh huy động là 21.568/21.550 học sinh, đạt 100,08% kế hoạch trên giao, trong đó: Cấp học mầm non, mẫu giáo là 3.765/4.150, đạt 90,72%, cấp tiểu học là 9.449/9.500 học sinh, đạt 99,46%; cấp THCS hệ phổ thông là 5.855/6100, đạt 96%, hệ phổ cập THCS là 504/250 đạt 201% và THPT là 1.995/1.800, đạt 101%. Hoàn thành công tác kiểm tra định kỳ cuối năm học và chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống đối với các trường phổ thông năm học 2022-2023. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất gắn với công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và tái công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Đến nay toàn huyện có 36/37 trường công lập đạt chuẩn quốc

gia, chiếm tỷ lệ 97,3% (trong đó: Có 04/37 được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, đạt 10,81%, đạt 100% KH).

g. Y tế: Trong 9 tháng đầu năm đã tổ chức khám và điều trị bệnh 62.558 lượt; tổng số ca sốt xuất huyết được chẩn đoán là 88 cas, tăng 87 ca so với cùng kỳ (88/01 cas), số ca mắc tay – chân – miệng được chẩn đoán là 24 ca, tăng 14 ca so với cùng kỳ (24/10 ca); xảy ra 05 ca mắc Covid-19 (đã khỏi bệnh và ra viện). Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ, đạt 37%.

1.6. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội của huyện Châu Thành và các biện pháp ứng phó

a. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội của huyện Châu Thành

Trong năm qua, huyện Châu Thành cũng đã và đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Diện tích đất bị xâm nhập mặn tăng, đất bị khô hạn, gây khó khăn trong việc sản xuất lương thực, nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất sinh hoạt khan hiếm hơn.

Theo báo cáo Tình hình kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm 2023, trong năm vừa qua để chủ động ứng phó với tình hình xâm nhập mặn ngành chuyên môn đã bố trí lắp đặt 5 trạm quan trắc đo độ mặn. Đó đó, tình hình xâm nhập mặn không ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Để chủ động với việc phòng, chống mưa, ngập cục bộ, huyện đã triển khai thực hiện nạo vét 07 hệ thống công trình thủy lợi với tổng chiều dài 51.969,7 m, khối lượng 338.525,17 m³; hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng 3 cống: cống kênh hậu (nhà thờ), cống kênh hậu (trà canh AI) và cống 77 xã An Hiệp. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, huyện đã kịp thời hỗ trợ cho 06 hộ dân bị thiệt hại mưa bão, lốc xoáy, với số tiền trên 43 triệu đồng.

b. Các biện pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu trong việc sử dụng đất, tài nguyên môi trường và kinh tế xã hội

Qua những tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, tài nguyên và môi trường, huyện đề xuất những biện pháp ứng phó cụ thể như sau:

- Đối với những khu vực có địa hình thấp khi xây dựng cần áp dụng những biện pháp về đảm bảo độ cao cốt nền xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu hướng chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông – ngư nghiệp, đất chuyên dùng và các biện pháp thích ứng kèm theo phù hợp với tiến độ biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phân tích, nghiên cứu đề ra các giải pháp cụ thể về hạn chế biến đổi khí hậu, chính sách cải tạo đất để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với pháp triển mạnh ưu thế và đa dạng sinh học trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Tiến hành điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống xói mòn, sạt lở, đầu tư kiên cố một số đoạn đê xung yếu, tổ chức và huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ, duy tu đê điều hàng năm.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi và hiệu suất tưới.

- Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ rừng, chống suy giảm rừng tự nhiên.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động nông – lâm kết hợp, phát triển rừng bền vững.

- Đa dạng hóa các loại cây trồng, tích cực áp dụng các biện pháp ngăn mặn, tiếp ngọt để duy trì sản xuất nông nghiệp, bố trí cây trồng phù hợp, cải tiến kỹ thuật canh tác.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án; kết quả thực hiện chuyển mục đích và kết quả thực hiện thu hồi đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Châu Thành được phê duyệt tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng có 74 danh mục (Biểu 10) với diện tích thực hiện là 255,41 ha. Trong đó, diện tích chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp 184,19 ha, diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 21,73 ha, diện tích thu hồi đất 148,21 ha. Đến cuối tháng 12/2023, kết quả thực hiện như sau:

a. Kết quả thực hiện danh mục công trình dự án:

- Trong năm 2023 thực hiện được 09 công trình, với diện tích 13,49 ha chiếm tỉ lệ 12,16% về số lượng và chiếm 5,28% về diện tích.

Bảng 2: Danh mục thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm trước

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4-5)	(7)	(8)
	Danh mục công trình đã thực hiện năm 2023		14,69	1,20	13,49		
1	Xây dựng mới 03 cầu An Tập, Ba Rinh, Thuận Hoà thuộc dự án Xây dựng mới 03 cầu An Tập, Ba Rinh, Thuận Hoà trên đường tỉnh 939B, cầu Năm Lèn trên đường tỉnh 933B	DGT	0,50		0,50	TT. Châu Thành, X. Thiện Mỹ	Đã thực hiện trong năm 2023
2	Đường huyện 95	DGT	5,00		5,00	X. Phú Tân; X. Phú Tâm	Dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện
3	Đường huyện 97	DGT	6,00		6,00	X. Thuận Hòa; X. Phú Tâm; X. Phú Tân	Dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện
4	Đường Vành đai II	DGT	0,70		0,70	X. Phú Tân	Dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện
5	Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam Sông Hậu	DTL	0,58	0,11	0,47	TT. Châu Thành; X. Thuận hòa	Dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện
6	Mở rộng trường MN thị trấn Châu Thành	DGD	0,78	0,38	0,40	TT. Châu Thành	Đã thực hiện trong năm 2023

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
7	Trường tiểu học TT Châu Thành A	DGD	0,80	0,40	0,40	TT. Châu Thành	Đã thực hiện trong năm 2023
8	Trạm y tế xã Hồ Đắc Kien	DYT	0,23	0,23		X. Hồ Đắc Kien	Đã thực hiện trong năm 2023
9	Mở rộng Trạm y tế xã An Hiệp	DYT	0,10	0,08	0,02	X. An Hiệp	Đã thực hiện trong năm 2023

- Trong năm 2023 có 29 công trình, với diện tích 105,28 ha được hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện, chiếm tỉ lệ 39,19% về số lượng và chiếm 41,22% về diện tích. Trong đó, có 06 danh mục chiếm tới 81,24% diện tích hủy bỏ chủ yếu là nhu cầu đăng ký chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân trong năm qua....

Bảng 3: Danh mục đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất

ST T	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Nguyên nhân
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4-5)	(7)	(8)
	Danh mục công trình đưa ra khỏi kế hoạch		115,95	10,74	105,28		
1	Trồng nấm linh chi	NKH	1,50		1,50	X. An Ninh	Danh mục đăng ký quá 03 năm
2	Dự án xây dựng Nhà máy cấp nước Hồ Đắc Kien	SKC	1,18		1,18	X. Hồ Đắc Kien	Đăng ký nhưng không thực hiện
3	Nhà Máy phân bón Đại Phát	SKC	0,47		0,47	X. Phú Tân	Đăng ký nhưng không thực hiện
4	Xây dựng mới đường Giao thông nông thôn vào Trường Mầm Non Hướng Dương	DGT	0,20		0,20	X. An Ninh	Chưa có nguồn vốn
5	Mở rộng trường Trung học cơ sở TT Châu Thành	DGD	0,92	0,62	0,30	TT. Châu Thành	Chưa có nguồn vốn
6	Mở rộng trường tiểu học Phú Tân B	DGD	0,77	0,52	0,25	X. Phú Tân	Chưa có nguồn vốn
7	Mở rộng trường trung học cơ sở Dân tộc nội trú	DGD	2,00	1,20	0,80	X. An Hiệp	Chưa có nguồn vốn
8	Trường tiểu học An Hiệp A	DGD	0,86	0,66	0,20	X. An Hiệp	Chưa có nguồn vốn

ST T	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Nguyên nhân
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
9	Mở rộng Trường tiểu học An Hiệp C	DGD	0,61	0,51	0,10	X. An Hiệp	Chưa có nguồn vốn
10	Mở rộng Trường THPT Thuận Hòa	DGD	1,25	0,65	0,60	TT. Châu Thành	Chưa có nguồn vốn
11	Mở rộng Trường THPT Phú Tâm	DGD	0,72	0,42	0,30	X. Phú Tâm	Chưa có nguồn vốn
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng 5 ấp (5 vị trí)	DSH	0,14		0,14	X. Hồ Đắc Kien	Chưa có nguồn vốn
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Sa Bâu	DSH	0,05		0,05	X. Thuận Hòa	Chưa có nguồn vốn
14	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Trà Quýt B	DSH	0,06		0,06	X. Thuận Hòa	Chưa có nguồn vốn
15	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp An Tập	DSH	0,15		0,15	X. An Hiệp	Chưa có nguồn vốn
16	TT dịch vụ nông nghiệp	DTS	0,50		0,50	X. Hồ Đắc Kien	Danh mục đăng ký quá 03 năm
17	Phát triển đô thị thị trấn Châu Thành (Khu nhà ở thương mại), huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	ODT	7,16		7,16	TT. Châu Thành	Danh mục đăng ký quá 03 năm
18	Chỉnh trang đô thị (nhà ở thương mại và công trình thương mại, dịch vụ), thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	ODT	8,39	5,51	2,88	TT. Châu Thành	Danh mục đăng ký quá 03 năm
19	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	ODT	2,20		2,20	TT. Châu Thành	Sử dụng không hết chỉ tiêu
20	Bán đấu giá Khu TĐC Thuận Hòa (04 lô: Lô A, Lô C1, Lô C, Lô E17)	ODT	0,58	0,58		TT. Châu Thành	Giữ lại để tái định cư theo QĐ 2360/QĐ-UBND ngày 22/8/2019
21	Bán đấu giá trường TH An Hiệp B	ONT	0,01		0,01	X. An Hiệp	Giữ lại theo Tờ trình 45/TTr-UBND ngày 24/3/2022 của UBND huyện

ST T	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Nguyên nhân
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
22	Bán đấu giá trường tiểu học Phú Tâm C	ONT	0,07	0,07		X. Phú Tâm	Giữ lại theo Tờ trình 45/TTr-UBND ngày 24/3/2022 của UBND huyện
23	Bán đấu giá trụ sở UBND xã Phú Tân	ONT	0,04		0,04	X. Phú Tân	Giữ lại theo Tờ trình 45/TTr-UBND ngày 24/3/2022 của UBND huyện
24	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	ONT	9,82	0,00	9,82	Các xã trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
25	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	TMD	7,90	0,00	7,90	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
26	Chuyển mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhỏ lẻ	SKC	10,79	0,00	10,79	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
27	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK	HNK	19,46	0,00	19,46	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
28	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN	CLN	21,73	0,00	21,73	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
29	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất NKH	NKH	16,48		16,48	X. Hồ Đắc Kien; X. Phú Tân; X. Phú Tâm; X. An Ninh	Sử dụng không hết chỉ tiêu

- Trong năm 2023 còn 36 công trình, dự án với diện tích 136,64 ha chưa được thực hiện sẽ chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như: cụm công nghiệp, đường giao thông, chợ trung tâm huyện,... Chiếm tỉ lệ 48,65% về số lượng và 53,50% diện tích. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát kết quả thực hiện, có 06 danh mục, dự án thay đổi về quy mô, diện tích, tên gọi nhưng phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành đến năm 2030 đã được phê duyệt, nên tổng diện tích chuyển tiếp sang năm 2024 có thay đổi giảm 2,27 ha. **Như vậy, nhu cầu chuyển tiếp sang năm 2024 là 36 danh mục và 134,37 ha.** Trong đó:

+ Danh mục, dự án quá 03 năm chuyển tiếp (từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trở về trước) là 17 dự án với diện tích tăng thêm là 57,84 ha.

ST T	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
II	Các dự án còn lại						
a	Đất Công an						
1	Công an xã Hồ Đắc Kiện	0,18		0,18	X. Hồ Đắc Kiện	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
b	Đất ở tại đô thị						
2	Khu Nhà ở thương mại	2,30	2,30		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020	Kêu gọi thực hiện đầu tư trên quỹ đất sạch
c	Cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất						
3	Bán đấu giá Dãy A khu phố chợ Thuận Hòa	0,42	0,42		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
4	Bán đấu giá Dãy E khu phố chợ Thuận Hòa (03 lô)	0,25	0,25		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
5	Đấu giá cho thuê đất 02 bên đường vào khu hành chính (đất trống kế bưu điện)	0,04	0,04		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
6	Bán đấu giá trụ sở công an cũ	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
7	Bán đấu giá chợ cũ Bung Tróp A	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
8	Bán đấu giá ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm (cũ)	0,05		0,05	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
9	Bán đấu giá thửa số 39 tờ bản đồ 40	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
10	Bán đấu giá đất thổ cư thửa số 37, tờ số 25	0,02	0,02		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện

ST T	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
11	Bán đấu giá thửa đất số 69 tờ bản đồ số 12	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
d	Đất thương mại, dịch vụ						
12	Dự kiến chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ để kêu gọi đầu tư dự án	0,46		0,46	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2019	Kêu gọi thực hiện đầu tư trên quỹ đất công

+ Danh mục, dự án chưa quá 03 năm chuyển tiếp (kế hoạch sử dụng đất của năm 2022, năm 2023) là 19 dự án với diện tích tăng thêm là 76,53 ha.

Bảng 5: Danh mục công trình, dự án chưa quá 03 năm chuyển tiếp

ST T	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)
	Tổng cộng	93,21	16,68	76,53		
I	Các dự án có thu hồi đất					
a	Đất Công an					
1	Công an xã An Hiệp	0,11		0,11	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2022
2	Công an xã Thiện Mỹ	0,10		0,10	X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2022
3	Công an xã Phú Tân	0,33		0,33	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô và vị trí so với QHSDĐ đến 2030 được duyệt theo đề nghị của Công An huyện
4	Công an xã Phú Tâm	0,19		0,19	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022
5	Công an xã Thuận Hòa	0,11		0,11	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2022
6	Công an Thị trấn Châu Thành	0,11		0,11	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2022
7	Công an xã An Ninh	0,17		0,17	X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2022
b	Đất cụm công nghiệp					
8	Cụm công nghiệp Thuận Hòa	50,00		50,00	X. Thuận hòa	Chuyển tiếp từ KH2023

b. Đất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2.808,30 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 2.640,08 ha, thấp hơn 168,22 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 94,01% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 184,19 ha, kết quả ước thực hiện tăng 15,98 ha, thực hiện được 8,68%). Nguyên nhân chính là do nhiều công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất 2023 chưa đưa vào thực hiện và do điều chỉnh hiện trạng đất trại giống xã Thuận Hòa (thống kê là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) thành đất nông nghiệp khác theo quyết định giao đất. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 3,09 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 3,09 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 12,20 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 11,16 ha, thấp hơn 1,03 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 91,48% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 1,03 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do trụ sở công an các xã, thị trấn chưa thực hiện và nhu cầu kêu gọi đầu tư làm thương mại dịch vụ tại TT Châu Thành có sử dụng vào đất an ninh chưa triển khai.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 202,33 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 202,33 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 154,07 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 54,07 ha, thấp hơn 100,00 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 35,09% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 100,00 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do chưa thực hiện thu hồi xong dự án cụm công nghiệp Xây Đá B mới tại xã Hồ Đắc Kiện và Cụm công nghiệp Thuận Hòa tại xã Thuận Hòa.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 36,63 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 28,27 ha, thấp hơn 8,36 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 77,18% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 8,36 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân là do chưa thực hiện danh mục kêu gọi đầu tư làm thương mại dịch vụ tại TT Châu Thành và nhu cầu chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 33,79 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 21,35 ha, thấp hơn 12,44 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực

hiện được 63,18% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 12,44 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do chưa triển khai thực hiện Dự án Xây dựng Nhà máy cấp nước Hồ Đắc Kiện, Nhà Máy phân bón Đại Phát và nhu cầu chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân tại các xã, thị trấn.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 7,16 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 7,16 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 1.568,70 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 1.549,62 ha, thấp hơn 19,08 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 98,78% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 32,30 ha, kết quả ước thực hiện tăng 13,22 ha, thực hiện được 40,93%). Nguyên nhân là do một số hạng mục công trình năng lượng, cơ sở văn hóa, các điểm trường, đường giao thông chưa triển khai thực hiện do thiếu nguồn vốn. Cụ thể:

+ *Đất giao thông*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 368,58 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 352,41 ha, thấp hơn 16,17 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 95,61% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 28,10 ha, kết quả ước thực hiện tăng 11,93 ha, thực hiện được 42,46%). Nguyên nhân là do một số tuyến đường giao thông chưa triển khai thực hiện do thiếu nguồn vốn và nhận thức của người dân về phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm đường còn nhiều hạn chế.

+ *Đất thủy lợi*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 1.019,70 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 1.022,64 ha, cao hơn 2,94 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 100,29% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 2,47 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,47 ha, thực hiện được -19,03%). Nguyên nhân là do các dự án phát triển giao thông, phát triển cụm công nghiệp có sử dụng đất thủy lợi chưa được thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 15,34 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 15,44 ha, cao hơn 0,10 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 100,65% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 0,10 ha, kết quả ước thực hiện giảm 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân là do dự án Mở rộng Trường THPT Thuận Hòa tại TT. Châu Thành lấy vào đất cơ sở văn hóa chưa được thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 6,54 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 6,38 ha, thấp hơn 0,16 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được

97,55% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 0,18 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,02 ha, thực hiện được 11,11%). Nguyên nhân, mới chỉ có 1 trạm y tế mở rộng được thực hiện, các dự án còn lại thực hiện chưa hoàn thành.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 26,69 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 24,79 ha, thấp hơn 1,90 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 92,88% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 2,70 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,80 ha, thực hiện được 29,63%). Nguyên nhân do một số dự án thuộc đất giáo dục như mở rộng các trường mầm non, trường tiểu học, trung học phổ thông thực hiện chưa hoàn thành.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,60 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 5,10 ha, cao hơn 0,50 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 110,87% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 0,50 ha, kết quả ước thực hiện giảm 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do dự án TT dịch vụ nông nghiệp sử dụng vào đất thể dục, thể thao tại xã Hồ Đắc Kien chưa được thực hiện.

+ *Đất công trình năng lượng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2,60 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 2,42 ha, thấp hơn 0,18 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 93,08% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 0,18 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân, các dự án đất năng lượng đang được triển khai chưa hoàn thiện.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 0,30 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 0,30 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,40 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 3,95 ha, thấp hơn 0,45 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 89,77% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 0,45 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân, dự án Trạm xử lý nước thải chưa được triển khai thực hiện do chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 32,99 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 32,99 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 81,68 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 81,90 ha, cao hơn 0,22 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 100,27% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 0,22 ha, kết

quả ước thực hiện giảm 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do công trình Công an xã Phú Tâm và dự án mở rộng trường THCS Dân tộc nội trú chưa được thực hiện.

+ **Đất chợ:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 5,28 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 1,30 ha, thấp hơn 3,98 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 24,62% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 3,98 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân là do dự án chợ trung tâm huyện ở TT Châu Thành chưa được thực hiện.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2,44 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 2,01 ha, thấp hơn 0,43 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 82,38% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 0,43 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do chưa làm thủ tục giao đất cho các trụ sở ấp ở xã Hồ Đắc Kiện, xã Thuận Hòa và xã An Hiệp.

- **Đất ở tại nông thôn:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 433,46 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 417,35 ha, thấp hơn 16,10 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 96,28% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 18,48 ha, kết quả ước thực hiện tăng 2,38 ha, thực hiện được 12,88%). Nguyên nhân, do các dự án khu dân cư, chuyển mục đích của người dân chưa thực hiện.

- **Đất ở tại đô thị:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 53,63 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 40,47 ha, thấp hơn 13,16 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 75,46% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 13,43 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,27 ha, thực hiện được 2,01%). Nguyên nhân đất ở đô thị chưa tăng là do các dự án xây dựng Phát triển đô thị thị trấn Châu Thành (Khu nhà ở thương mại), huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Chính trang đô thị (nhà ở thương mại và công trình thương mại, dịch vụ), thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Khu Nhà ở thương mại chưa thực hiện hoàn thiện.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 10,31 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 11,10 ha, cao hơn 0,78 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 107,66% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 0,78 ha, kết quả ước thực hiện giảm 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do một số trụ sở công an lấy vào đất trụ sở chưa bố trí được vốn nên chưa triển khai thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 3,69 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 5,30 ha, cao hơn 1,61 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 143,63% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 1,50 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,11 ha, thực hiện được -7,33%). Nguyên nhân là do mở rộng một số

đường giao thông và Cụm công nghiệp Thuận hòa lấy vào đất trụ sở tổ chức sự nghiệp chưa thực hiện và do thống kê lại diện tích trại giống xã Thuận Hòa.

- Đất tín ngưỡng: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,92 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 4,92 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 281,89 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 281,89 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Các chỉ tiêu còn lại như Đất cho hoạt động khoáng sản; Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; Đất có di tích lịch sử - văn hóa; Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng; Đất xây dựng cơ sở ngoại giao; Đất mặt nước chuyên dùng; Đất phi nông nghiệp khác hiện trạng 2022 trên địa bàn huyện không có diện tích. Trong năm kế hoạch không thực hiện chỉ tiêu này.

c. Đất chưa sử dụng:

Hiện trạng năm 2022 là 0,00 ha, trong năm kế hoạch không thực hiện chỉ tiêu này.

d. Các khu chức năng:

- Đất đô thị: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 787,87 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 787,87 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 16.115,59 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 16.293,30 ha, cao hơn 177,71 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 101,10% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép giảm 189,86 ha, kết quả ước thực hiện giảm 12,15 ha, thực hiện được 6,40%). Nguyên nhân do tình hình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp thực hiện thấp.

- Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 931,26 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2022. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 931,26 ha ổn định theo hiện trạng năm 2022. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 356,40 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 256,40 ha, thấp hơn 100,00 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 71,94% (thực tế trong năm kế hoạch cho

phép tăng 100,00 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do việc thực hiện các thủ tục thu hồi đất lúa của cụm công nghiệp chưa hoàn thiện.

- Khu thương mại - dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 36,63 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 28,27 ha, thấp hơn 8,36 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 77,18% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 8,36 ha, kết quả ước thực hiện tăng 0,00 ha, thực hiện được 0,00%). Nguyên nhân do tình hình chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ chưa được thực hiện.

- Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 297,34 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 263,89 ha, thấp hơn 33,45 ha so với chỉ tiêu cho phép, thực hiện được 88,75% (thực tế trong năm kế hoạch cho phép tăng 297,34 ha, kết quả ước thực hiện tăng 263,89 ha, thực hiện được 88,75%).

- Các chỉ tiêu còn lại như Đất khu công nghệ cao; Đất khu kinh tế; Khu du lịch; Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới); Khu đô thị - thương mại - dịch vụ; Khu dân cư nông thôn chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt 0,00 ha. Trong năm kế hoạch không thực hiện chỉ tiêu này.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

- Nhìn chung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật, tuy nhiên còn nhiều chỉ tiêu thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra, chủ yếu là do một số công trình trọng điểm cấp tỉnh, công trình có diện tích lớn liên quan đến đất lúa chưa được triển khai.

- Kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp trong khi công tác đăng ký nhu cầu đất đai cho năm kế hoạch của các ngành còn hạn chế, độ chính xác chưa cao.

- Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn thiếu nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng, các quy định pháp luật còn nhiều bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện hoặc một số dự án sau khi giải phóng mặt bằng còn chậm triển khai thực hiện các hạng mục tiếp theo.

- Chủ đầu tư thường có tâm lý đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch nhiều hơn khả năng nguồn vốn thực hiện sẵn có. Nhiều dự án mới có ý tưởng đã được đăng ký đề tiên hành lập quy hoạch chi tiết,... trong khi Điều 52 luật Đất đai quy định, “căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất” dựa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

a. Nguyên nhân khách quan:

- Một số công trình trọng điểm, công trình kêu gọi đầu tư của tỉnh trên địa bàn huyện có diện tích rất lớn, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện về diện tích của kế hoạch.

- Số lượng các công trình, dự án thuộc sở ban ngành tỉnh thường được đăng ký nhiều hơn so với khả năng tổ chức thực hiện.

- Do quy định về trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất của Luật Đất đai năm 2013 có nhiều thay đổi, chưa phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến nhiều công trình, dự án đã thực hiện xong nhưng vẫn chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ đất đai.

- Đăng ký chuyển mục đích của người dân quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đất đai 2013 còn nhiều bất cập. Người dân khó xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của mình cho năm kế hoạch, không chủ động được việc mua, bán quyền sử dụng đất. Do vậy, Có những hộ dân đăng ký nhưng không chuyển mục đích và ngược lại.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhu cầu quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực, các dự án thường được đăng ký nhiều hơn so với khả năng tổ chức thực hiện.

- Một số dự án sau khi đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm thì lại có thay đổi về điều chỉnh về quy mô, diện tích trong quá trình thực hiện nên làm phát sinh thủ tục pháp lý và thời gian kéo dài hơn so với kế hoạch.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn có những khó khăn, do kế hoạch thường mang tính chất mở, định hướng, một số dự án đưa ra để làm cơ sở kêu gọi đầu tư, còn quy mô đầu tư và địa điểm đầu tư do nhà đầu tư lựa chọn, nên có sự khác biệt giữa quy hoạch và thực tế.

- Công tác thực hiện, kiểm tra quản lý, giám sát của địa phương còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành.

c. Một số nguyên nhân cụ thể:

- Một số dự án, công trình có diện tích lớn mà huyện không chủ động được như cụm công nghiệp, chuyển dịch nội bộ đất nông nghiệp liên quan đến đất lúa, đất rừng,... ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch chung của huyện.

- Quy trình thủ tục chờ phê duyệt bảng giá đất phục vụ đền bù, giải tỏa thường kéo dài.

- Thời gian các tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư và lập hồ sơ đất đai thực hiện chậm. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng

đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, vì vậy trong năm đó không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phải chuyển sang năm sau.

- Nguồn vốn để mở rộng, xây mới các công trình phúc lợi xã hội chưa được phân bổ theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới nên việc bố trí quỹ đất xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án không thực hiện được.

- Nhiều dự án đăng ký để thực hiện các thủ tục giao đất trên nền hiện trạng hiện hữu đã đăng ký nhưng vẫn chưa thực hiện.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành được UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố tại Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Sóc Trăng đang triển khai thực hiện, nên chưa có chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ của cấp tỉnh cho huyện Châu Thành trong năm kế hoạch. Do vậy, trong năm kế hoạch 2024 căn cứ dự thảo Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Sóc Trăng, phân chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố tại Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 và Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành để thực hiện.

Theo đó, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sẽ cụ thể hóa các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2024 theo Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện đã được phê duyệt, là cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước

Trên cơ sở rà soát nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa được thực hiện hết nhưng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện được tiếp tục thực hiện trong năm 2024. Cụ thể, có 36 công trình (bảng 4 và bảng 5), dự án với diện tích tăng thêm 134,37 ha đã được phê duyệt trong kế hoạch, nhưng chưa triển khai thực hiện và có chủ trương tiếp tục đầu tư nên theo quy định sẽ tiếp tục chuyển tiếp để thực hiện.

Trong 134,37 ha tổng diện tích các công trình dự án được chuyển tiếp, có 127,74 ha chu chuyển từ nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp. Diện tích còn lại là chu chuyển trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp và nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trên cơ sở đăng ký mới nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, huyện Châu Thành tổng hợp được nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 như sau:

Bảng 7: Danh mục đăng ký mới của tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3-4)	(6)	(7)
I	Tổng diện tích thực hiện năm 2024	241,85	3,58	238,27		
a	Đất khu công nghiệp					
1	Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An nghiệp	161,00		161,00	X. An Hiệp, X. Phú Tân	Công văn số 685/BQL-KHTH ngày 25/10/2023 của BQL các khu công nghiệp
b	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
2	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kien	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kien	CV 2279/SNN-KHTC ngày 11/8/2023 của Sở Nông nghiệp
c	Đất giao thông					
3	Bến xe huyện	2,50		2,50	X. Hồ Đắc Kien	QĐ 1418/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành bộ tiêu chí về huyện Nông thôn mới
d	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo					
4	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hồ Đắc Kien	0,08		0,08	X. Hồ Đắc Kien	Đã Có QĐ 82/QĐ-UBND huyện thu hồi đất từ Ông Nguyễn Văn Quang tự nguyện trả lại đất
5	Trường tiểu học Thiện Mỹ	0,42	0,42		X. Thiện Mỹ	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
6	Trường Mầm Non Thiện Mỹ	0,55	0,55		X. Thiện Mỹ	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
7	Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien	0,55	0,55		X. Hồ Đắc Kien	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
8	Trường TH Thuận Hòa (Điểm Sa Bâu)	0,51	0,51		X. Thuận Hòa	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
e	Đất y tế					
9	Trạm y tế xã Thiện Mỹ	0,10	0,10		X. Thiện Mỹ	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
10	Trạm y tế xã An Ninh	0,12	0,12		X. An Ninh	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
f	Đất cơ sở tôn giáo					
11	Chùa Proleng	1,03	1,03		X. Thiện Mỹ	Giao đất hiện trạng để cấp sổ

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
12	Chùa Bửu Tâm	0,23	0,23		X. Phú Tân	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
13	Chùa Phật Minh	0,07	0,07		X. Phú Tâm	Giao đất hiện trạng để cấp sổ
g	Đất sinh hoạt cộng đồng					
14	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Ninh	Thu hồi đất bà Kim Thị Hồng tự nguyện trả lại đất để làm trụ sở
h	Đất trụ sở đơn vị sự nghiệp					
15	Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,69		1,69	TT. Châu Thành	Lấy đất BVĐK cũ theo QĐ 389/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng
i	Đất ở tại đô thị					
16	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	2,50		2,50	TT. Châu Thành	Hộ gia đình cá nhân
j	Đất ở tại nông thôn					
17	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	1,70		1,70	X. Phú Tâm	Hộ gia đình cá nhân
		1,25		1,25	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		1,20		1,20	X. Thiện Mỹ	Hộ gia đình cá nhân
		1,15		1,15	X. Thuận Hòa	Hộ gia đình cá nhân
		1,50		1,50	X. Hồ Đắc Kiện	Hộ gia đình cá nhân
		1,35		1,35	X. An Hiệp	Hộ gia đình cá nhân
		1,90		1,90	X. An Ninh	Hộ gia đình cá nhân
k	Đất thương mại, dịch vụ					
18	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	0,75		0,75	X. Phú Tâm	Hộ gia đình cá nhân
		0,85		0,85	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		1,00		1,00	TT. Châu Thành	Hộ gia đình cá nhân
		0,95		0,95	X. Thuận Hòa	Hộ gia đình cá nhân
		1,00		1,00	X. Hồ Đắc Kiện	Hộ gia đình cá nhân
		1,00		1,00	X. An Hiệp	Hộ gia đình cá nhân
		1,00		1,00	X. An Ninh	Hộ gia đình cá nhân
		0,95		0,95	X. Thiện Mỹ	Hộ gia đình cá nhân
l	Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp					
19	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất NKH	2,00		2,00	X. Hồ Đắc Kiện	Hộ gia đình cá nhân

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
		3,18		3,18	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		3,30		3,30	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		3,00		3,00	X. An Ninh	Hộ gia đình cá nhân
20	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK	2,34		2,34	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		2,46		2,46	X. Thuận Hòa	Hộ gia đình cá nhân
		2,49		2,49	TT. Châu Thành	Hộ gia đình cá nhân
		2,79		2,79	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		2,07		2,07	X. Hồ Đắc Kiện	Hộ gia đình cá nhân
		2,67		2,67	X. An Hiệp	Hộ gia đình cá nhân
		2,93		2,93	X. An Ninh	Hộ gia đình cá nhân
		1,71		1,71	X. Thiện Mỹ	Hộ gia đình cá nhân
21	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN	2,91		2,91	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		2,73		2,73	X. Phú Tân	Hộ gia đình cá nhân
		3,63		3,63	TT. Châu Thành	Hộ gia đình cá nhân
		2,59		2,59	X. Thuận Hòa	Hộ gia đình cá nhân
		2,45		2,45	X. Hồ Đắc Kiện	Hộ gia đình cá nhân
		2,43		2,43	X. An Hiệp	Hộ gia đình cá nhân
		2,61		2,61	X. An Ninh	Hộ gia đình cá nhân
		2,38		2,38	X. Thiện Mỹ	Hộ gia đình cá nhân

Ngoài các công trình chuyển tiếp, trong năm 2024 có 21 danh mục công trình dự án đăng ký mới với diện tích tăng thêm là 238,27 ha. Trong đó, có 02 danh mục công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất, diện tích là 163,50 ha; Có 05 danh mục chuyển mục đích nhỏ lẻ liên quan đến đất lúa do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép và Có 14 danh mục thực hiện giao đất trên nền hiện trạng hoặc chuyển đổi công năng đất công.

Trong 238,27 ha được đăng ký mới trong năm 2024, có 183,50 ha chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, còn lại là chuyển dịch trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện chuyển sang (mục 3.2.1) và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân trong năm 2024 (mục 3.2.2) các chỉ tiêu KHSDĐ năm 2024 được cân đối như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2023 (ha)	Kế hoạch 2024 (ha)	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	- Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-
	- Đất chợ	DCH	1,30	5,28	3,98
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,01	2,07	0,05
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	417,35	437,57	20,22
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	40,47	42,06	1,59
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,10	10,36	-0,74
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	5,30	4,61	-0,68
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	4,92	4,92	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	281,89	281,89	-
2.20	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-

3.3.1. Tổng diện tích tự nhiên

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 23.614,61 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định theo hiện trạng.

(1). Đất nông nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất nông nghiệp huyện là 20.974,52 ha, chiếm 88,82% DTTN.

Diện tích năm 2024, đất nông nghiệp được bố trí 20.663,29 ha, chiếm 87,50% DTTN, giảm 311,24 ha so với hiện trạng. Trong đó, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 20.974,52 ha.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 9: Chỉ tiêu KHSDD đất nông nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	20.974,52	20.663,29	-311,24
1	TT. Châu Thành	634,46	627,54	-6,92
2	X. Hồ Đắc Kien	4.312,90	4.253,61	-59,29
3	X. Thuận Hòa	1.590,30	1.536,49	-53,81
4	X. Thiện Mỹ	2.314,53	2.312,38	-2,15
5	X. An Hiệp	2.685,47	2.548,45	-137,02
6	X. An Ninh	3.298,42	3.290,42	-8,00
7	X. Phú Tân	2.436,70	2.396,91	-39,78
8	X. Phú Tâm	3.701,75	3.697,50	-4,25

Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất trồng lúa

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất trồng lúa huyện là 16.293,30 ha, chiếm 69,00% DTTN. Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 15.965,29 ha.

- Chu chuyển tăng: 0,00 ha.

- Chu chuyển giảm 328,01 ha, cụ thể chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 19,46 ha, đất trồng cây lâu năm 21,73 ha, đất nông nghiệp khác 11,48 ha. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước 11,48 ha, đất an ninh 0,05 ha, đất khu công nghiệp 161,00 ha, đất cụm công nghiệp 82,13 ha, đất thương mại, dịch vụ 3,95 ha, đất giao thông 8,02 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,08 ha, đất công trình năng lượng 0,28 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 0,11 ha, đất chợ 1,88 ha, đất ở tại nông thôn 16,14 ha, đất ở tại đô thị 1,70 ha..

- Cân đối giảm 328,01 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất trồng lúa được bố trí 15.965,29 ha, chiếm 67,61% DTTN, giảm 328,01 ha so với hiện trạng năm 2023 (Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước).

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 10: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng lúa theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	16.293,30	15.965,29	-328,01
1	TT. Châu Thành	481,98	471,62	-10,35
2	X. Hồ Đắc Kịch	2.609,82	2.547,27	-62,55
3	X. Thuận Hòa	1.346,56	1.304,27	-42,29
4	X. Thiện Mỹ	1.901,21	1.895,67	-5,54
5	X. An Hiệp	2.158,27	2.018,93	-139,34
6	X. An Ninh	2.646,72	2.633,43	-13,29
7	X. Phú Tân	2.063,62	2.019,12	-44,50
8	X. Phú Tâm	3.085,13	3.074,98	-10,15

b. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất trồng cây hàng năm khác huyện là 839,22 ha, chiếm 3,55% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 835,26 ha.

- Chu chuyển giảm 3,96 ha. Trong đó, giảm sang đất giao thông 3,36 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,13 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha, đất chợ 0,46 ha.

- Chu chuyển tăng 19,46 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) để chuyển đổi cơ cấu mùa vụ ở những nơi khó khăn về nước tưới hoặc những khu vực thuận tiện cho việc trồng một vụ lúa một vụ màu hoặc chuyên trồng màu.

- Cân đối tăng 15,50 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất trồng cây hàng năm khác được bố trí 854,72 ha, chiếm 3,62% DTTN, tăng 15,50 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 11: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng cây hàng năm khác theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	839,22	854,72	15,50
1	TT. Châu Thành	21,94	23,97	2,03
2	X. Hồ Đắc Kien	139,49	140,85	1,36
3	X. Thuận Hòa	52,69	55,02	2,33
4	X. Thiện Mỹ	65,43	67,14	1,71
5	X. An Hiệp	207,20	209,37	2,16
6	X. An Ninh	209,23	211,66	2,43
7	X. Phú Tân	86,27	88,26	1,99
8	X. Phú Tâm	56,96	58,45	1,49

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 12: Danh mục các công trình đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK nhỏ lẻ	19,46		19,46	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

c. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất trồng cây lâu năm huyện là 2.718,37 ha, chiếm 11,51% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.699,76 ha.

- Chu chuyển giảm 18,61 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,32 ha, đất cụm công nghiệp 1,92 ha, đất thương mại, dịch vụ 3,45 ha, đất giao thông 5,64

ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 0,34 ha, đất chợ 0,41 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,06 ha, đất ở tại nông thôn 5,67 ha, đất ở tại đô thị 0,80 ha.

- Chu chuyển tăng 21,73 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) để thực hiện chuyển mục đích nhưng khu vực khó khăn về nước tưới hoặc đất trồng cây lâu năm kết hợp đất ở cặp các đường giao thông.

- Cân đối giảm 3,12 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất trồng cây lâu năm được bố trí 2.721,49 ha, chiếm 11,52% DTTN, tăng 3,12 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 13: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2.718,37	2.721,49	3,12
1	TT. Châu Thành	117,55	119,12	1,57
2	X. Hồ Đắc Kien	582,88	582,77	-0,10
3	X. Thuận Hòa	147,03	146,33	-0,69
4	X. Thiện Mỹ	340,17	341,85	1,68
5	X. An Hiệp	309,06	309,21	0,15
6	X. An Ninh	434,36	434,22	-0,14
7	X. Phú Tân	247,01	246,56	-0,45
8	X. Phú Tâm	540,31	541,42	1,11

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 14: Danh mục các công trình đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN nhỏ lẻ	21,73		21,73	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

d. Đất rừng sản xuất

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất trồng rừng sản xuất huyện là 931,26 ha, chiếm 3,94% DTTN. Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên huyện là 0,00 ha.

Diện tích năm 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Diện tích năm 2024, đất phi nông nghiệp được bố trí 2.951,32 ha, chiếm 12,50% DTTN, tăng 311,24 ha so với hiện trạng. Trong đó, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.640,08 ha.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 19: Chỉ tiêu KHSDD đất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2.640,08	2.951,32	311,24
1	TT. Châu Thành	153,41	160,33	6,92
2	X. Hồ Đắc Kien	438,40	497,69	59,29
3	X. Thuận Hòa	248,43	302,24	53,81
4	X. Thiện Mỹ	195,33	197,48	2,15
5	X. An Hiệp	561,67	698,70	137,02
6	X. An Ninh	335,12	343,12	8,01
7	X. Phú Tân	309,94	349,72	39,78
8	X. Phú Tâm	397,79	402,04	4,25

Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất quốc phòng

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất quốc phòng huyện là 3,09 ha, chiếm 0,01% DTTN.

Diện tích năm 2024, ổn định theo hiện trạng năm 2023.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 20: Chỉ tiêu KHSDD đất quốc phòng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	3,09	3,09	-
1	TT. Châu Thành	3,09	3,09	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

b. Đất an ninh

Diện tích hiện trạng năm 2023, đất an ninh huyện là 11,16 ha, chiếm 0,05% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 11,05 ha.
- Chuyển giảm 0,11 ha sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ.
- Chuyển tăng 1,30 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,05 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 0,32 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,42 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,19 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,32 ha.
- Cân đối tăng 1,19 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2024, đất an ninh được bố trí 12,35 ha, chiếm 0,05% DTTN, tăng 1,19 ha so với hiện trạng năm 2023.

Phân bổ tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 21: Chỉ tiêu KHSDD đất an ninh theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	11,16	12,35	1,19
1	TT. Châu Thành	6,90	6,89	-0,004
2	X. Hồ Đắc Kien	-	0,18	0,18
3	X. Thuận Hòa	-	0,11	0,11
4	X. Thiện Mỹ	-	0,10	0,10
5	X. An Hiệp	-	0,11	0,11
6	X. An Ninh	-	0,17	0,17
7	X. Phú Tân	4,26	4,59	0,33
8	X. Phú Tâm	-	0,19	0,19

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 22: Danh mục các công trình đất an ninh

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Công an xã Hồ Đắc Kien	0,18		0,18	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2020
2	Công an xã An Hiệp	0,11		0,11	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2022
3	Công an xã Thiện Mỹ	0,10		0,10	X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2022